

5. Đề bảo đảm đời sống của công nhân ngành than, Bộ Năng lượng chỉ đạo các đơn vị sản xuất than tính toán đơn giá tiền lương trong sản xuất sao cho mức thu nhập của công nhân ít nhất cũng bằng 100% mức thu nhập thực tế vào thời điểm tháng 9 năm 1985 kể cả các chi phí cho bữa ăn giữa ca và chế độ bảo hộ lao động khác. Nhà nước không hạn chế mức thu nhập tối đa, tiền lương của công nhân phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

6. Bộ trưởng Bộ Năng lượng thay mặt Hội đồng Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý thống nhất việc khai thác, tiêu thụ và sử dụng than trong cả nước, có trách nhiệm quản lý và chỉ đạo việc sử dụng tiết kiệm và giảm tổn thất tài nguyên trong khai thác trên cơ sở áp dụng kỹ thuật tiến bộ đồng thời bảo vệ được nguồn tài nguyên, trước mắt cần xây dựng chính sách sử dụng than và xây dựng lại các tiêu chuẩn chất lượng than. Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước kiểm tra và ra quyết định ban hành lại tiêu chuẩn than trong năm 1988.

Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu các đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bộ trưởng Bộ Năng lượng để tổ chức thực hiện tốt Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

CÁC BỘ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

THÔNG TƯ số 130-NH/TT ngày 30-12-1987 hướng dẫn triển khai công tác tiền tệ, tín dụng, thanh toán để thực hiện bản quy định về các chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh ban hành kèm theo Quyết định số 217-HĐBT ngày 14-11-1987 của Hội đồng Bộ trưởng.

Thi hành Quyết định số 217-HĐBT ngày 14-11-1987 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành các chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điểm cơ bản về công tác tiền tệ, tín dụng và thanh toán như sau:

1. Về mở và sử dụng tài khoản (điều 34):

— Các xí nghiệp quốc doanh có quyền lựa chọn Ngân hàng cơ sở thuận lợi nhất thuộc hệ thống Ngân hàng phục vụ mình trong phạm vi tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương để mở tài khoản tiền gửi chính (bao gồm tiền gửi vốn lưu động, cấp phát xây dựng cơ bản và các quỹ chuyên dùng) và đặt quan hệ tín dụng. Nếu có các đơn vị phụ thuộc (hạch toán kế toán) thì còn được mở tài khoản phụ (chuyên thu, chuyên chi, hoặc vừa

thu, vừa chi) tại Ngân hàng nơi đơn vị phụ thuộc hoạt động đề tiện giao dịch. Vốn tiền gửi bằng ngoại tệ sẽ nói ở điểm 6 dưới đây.

— Ngân hàng thực hiện nhận tiền nộp vào tài khoản và chi ra theo lệnh của chủ tài khoản trên cơ sở chứng từ hợp lệ. Nếu xí nghiệp vi phạm pháp luật mà Tòa án Nhân dân hoặc Trọng tài kinh tế có quyết định xử lý phạt vật chất thì Ngân hàng có trách nhiệm chấp hành các quyết định nói trên.

Số dư tiền gửi của xí nghiệp tại Ngân hàng được giữ bí mật và được trả lãi.

2. Về chấp hành chế độ quản lý tiền mặt (điều 35):

Đề chủ động cho cả hai bên, hàng quý, xí nghiệp lập dự trù nộp và lĩnh tiền mặt tại Ngân hàng (có chia ra tháng) kể cả tiền mặt cần lĩnh ở Ngân hàng khác địa phương, gửi đến Ngân hàng nơi mở tài khoản trước ngày 15 của tháng cuối quý hiện hành.

Những xí nghiệp vừa có thu vừa có chi tiền mặt, được Ngân hàng thỏa thuận để lại số tiền nhất định chi tại đơn vị, số còn lại phải nộp vào Ngân hàng.

3. Về kiểm soát chi tiêu quỹ tiền lương (điều 36):

— Từ đầu năm kế hoạch, xí nghiệp đăng ký với Ngân hàng nơi mở tài khoản kế hoạch hoặc dự kiến kế hoạch quỹ tiền lương của cả năm có chia ra từng quý. Khi có kế hoạch quỹ lương chính thức (chậm nhất là trong quý I hàng năm) hoặc điều chỉnh bổ sung kế hoạch, xí nghiệp phải đăng ký lại với Ngân hàng.

— Hàng tháng, xí nghiệp lĩnh tiền mặt tại Ngân hàng để trả lương, trả thưởng cho cán bộ công nhân viên theo chỉ tiêu chi lương, chi thưởng bằng tiền mặt đã đăng ký.

— Cuối mỗi quý, xí nghiệp sơ bộ tính toán số tiền lương đã chi so với mức độ hoàn thành kế hoạch, nếu đã chi vượt hoặc còn thừa, thì số chi vượt hoặc còn thừa đó xí nghiệp sẽ trừ hoặc cộng vào tiền lương của các quý tiếp theo.

— Hết năm, khi có số liệu xác nhận mức độ hoàn thành kế hoạch (theo các chỉ tiêu pháp lệnh được giao và các chỉ tiêu đăng ký), xí nghiệp tiến hành quyết toán quỹ tiền lương và báo cáo cho cơ quan chủ quản, đồng gửi cho Ngân hàng cơ sở nơi xí nghiệp đặt quan hệ chính. Xí nghiệp cùng Ngân hàng xem xét, nếu chưa chi đủ so với số được chi và thực tế còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên thì xí nghiệp làm bổ sung tăng chi lương trong dự trù tiền mặt quý đang thực hiện và rút tiền mặt về chi lương. Nếu đã chi vượt, xí nghiệp phải tìm nguồn để bù đắp theo chế độ tài chính xí nghiệp hiện hành.

4. Về tín dụng vốn lưu động (điều 37):

Tín dụng Ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động cần thiết vượt quá số vốn tự có của xí nghiệp để đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp.

— Đối với các xí nghiệp mới đi vào hoạt động được Nhà nước cấp vốn lưu động tương ứng với nhiệm vụ thiết kế, Ngân hàng chỉ cho vay trên định mức vốn lưu động của xí nghiệp.

— Đối với các xí nghiệp đang hoạt động, sau khi xác định lại vốn lưu động theo mặt bằng giá mới, nếu thiếu vốn phải được Nhà nước cấp bổ sung. Trong khi Nhà nước chưa có điều kiện cấp đủ vốn lưu động định mức thì Ngân hàng tạm thời giữ nguyên khối lượng tín dụng vốn lưu động trong hạn mức đã tham gia như nói ở điểm 4, tiết d dưới đây. Nếu có nhu cầu vốn cần thiết vượt quá vốn tự có và dư nợ trong định mức vốn lưu động, xí nghiệp được Ngân hàng xét cho vay trên định mức vốn lưu động.

Nguồn vốn để cho vay được Ngân hàng Nhà nước thể hiện trên kế hoạch hàng năm trình Hội đồng Bộ trưởng duyệt để đầu tư vào các ngành kinh tế. Ngân hàng Nhà nước thông báo mức dự kiến cho vay cho các Bộ, Tổng cục, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương để cùng tổ chức chỉ đạo thực hiện.

a) Cho vay trên định mức vốn lưu động :

— Các xí nghiệp muốn vay Ngân hàng trên định mức vốn lưu động cần có các điều kiện :

Có vốn tự có theo chế độ quy định ;

Được giao chỉ tiêu pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước hay của đơn vị kinh tế khác và lập được kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính phù hợp với năng lực thực hiện của xí nghiệp ;

Chấp nhận thế lệ tín dụng của Ngân hàng ;

Xí nghiệp lập kế hoạch vay vốn gửi Ngân hàng cơ sở trước 15 ngày bắt đầu quý kế hoạch, xác định rõ nhu cầu vay, thời hạn hoàn trả và các giấy tờ khác làm căn cứ cho vay theo chế độ tín dụng.

— Xí nghiệp sẽ được Ngân hàng thỏa thuận mức vốn cho vay trên định mức vốn lưu động cho từng quý và thông báo cho xí nghiệp ngay từ đầu quý để cùng thực hiện.

— Mỗi lần nhận được chứng từ sử dụng vốn vay của xí nghiệp đưa đến, Ngân hàng cơ sở phải xem xét ngay, nếu thấy hợp lý, phù hợp với nguồn vốn cho vay theo dự kiến kế hoạch phân bổ đã thông báo cho xí nghiệp biết trước và còn có khả năng thực hiện (dư nợ dự kiến — dư nợ đã vay = số có thể cho vay tiếp) thì giải quyết cho xí nghiệp vay ngay trong ngày.

— Việc thu nợ và kỳ hạn nợ được xác định phù hợp với kế hoạch giảm thấp dự trữ các đối tượng vay vốn, nhưng tối đa nói chung không quá 6 tháng.

— Trong quá trình cho vay, nếu Ngân hàng phát hiện xí nghiệp sử dụng vốn vay sai mục đích, không có vật tư bảo đảm thì xử lý theo chế độ tín dụng.

— Đến hạn trả, xí nghiệp chủ động tìm nguồn vốn để trả nợ. Nếu chưa có nguồn trả và có lý do chính đáng thì có thể xin gia hạn nợ. Nếu xí nghiệp không có ý kiến hoặc không được gia hạn nợ thì Ngân hàng chuyển số nợ đó sang quá hạn và cùng xí nghiệp tìm biện pháp thu hồi.

— Nếu vì lý do nhu cầu vay vốn của xí nghiệp không phù hợp với đối tượng cho vay, hoặc xí nghiệp đã sử dụng hết chỉ tiêu được vay thì trong phạm vi tối đa không quá 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin vay, Ngân hàng cơ sở phải báo bằng văn bản cho xí nghiệp biết để tìm nguồn vốn khác phục vụ cho yêu cầu của xí nghiệp.

— Các xí nghiệp còn dư nợ vay trên hạn mức tín dụng vì lợi ích kinh tế thì chuyển sang loại vay này.

— Những xí nghiệp hoạt động tốt, sử dụng vốn vay có hiệu quả, không bị xử lý nợ quá hạn, thực hiện tốt công tác tiền mặt đã đăng ký, không để phát sinh nợ dấy dựa trong thanh toán thì được xét cho hưởng chế độ lãi suất cho vay ưu đãi (giảm 10% lãi suất thông thường trong từng lần vay hoặc từng thời gian nhất định).

b) Cho vay khó khăn tạm thời về tài chính của xí nghiệp.

Nếu xí nghiệp có khó khăn tài chính do phát sinh đột xuất về cung ứng vật tư, về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, không dự kiến trong kế hoạch, đã sử dụng hết vốn tự có, vốn vay trên định mức vốn lưu động, phải huy động các nguồn vốn khác để đáp ứng mà chưa thực hiện được kế hoạch huy động vốn, nhu cầu chi tiêu không thể cắt giảm được thì có thể vay Ngân hàng để giải quyết khó khăn tạm thời về tài chính.

— Nguồn vốn đề Ngân hàng cho vay là tiền gửi tiết kiệm vượt kế hoạch, mở các đợt huy động vốn ngắn ngày trong nhân dân với lãi suất cao và các nguồn huy động khác với mọi hình thức để giải quyết khó khăn tài chính tạm thời cho xí nghiệp.

— Thời hạn cho vay tối đa đến 30 ngày, cá biệt có thể kéo dài 45 ngày và do Giám đốc Ngân hàng cơ sở quyết định. Nếu vốn vay do mở các đợt huy động vốn ngắn ngày với lãi suất cao thì thời hạn và lãi suất vay phù hợp với thời hạn và lãi suất huy động vốn.

— Xí nghiệp hoàn trả nợ bằng nguồn vốn huy động, hoặc bằng nguồn vốn do

giải quyết được nguyên nhân gây ra khó khăn tài chính tạm thời.

— Các xí nghiệp còn dư nợ ngoài kế hoạch vì khuyết điểm trong quản lý thì chuyển sang loại vay này.

— Lãi suất cho vay áp dụng theo mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm và huy động vốn lãi suất cao cộng thêm phụ phí hoạt động ngân hàng.

c) Cho vay vốn lưu động đối với các tổ chức kinh tế hoạt động thi công xây lắp.

Ngân hàng cho các tổ chức thi công xây dựng cơ bản vay vốn dự trữ vật liệu, kể cả vật liệu đi theo thiết bị toàn bộ (theo phương pháp ghi thu, ghi chi để theo dõi vốn của công trình) mà bên B nhận, bảo quản và chi phí thi công theo kế hoạch phù hợp với mức vốn đầu tư được duyệt trong năm kế hoạch của các công trình đơn vị được ký hợp đồng thi công. Khi phát tiền vay phải theo khả năng nguồn vốn mà bên A có để thanh toán trong từng thời gian.

d) Xử lý khoản dư nợ trong hạn mức tín dụng đến cuối ngày 31 tháng 12 năm 1987.

Các xí nghiệp đang hoạt động, chưa được Nhà nước cấp đủ vốn lưu động theo định mức mới, còn dư nợ trong hạn mức tín dụng vốn lưu động đến cuối ngày 31-12-1987 thì xử lý như sau:

— Nếu số dư nợ bằng (hoặc thấp hơn) số phần trăm (%) «tham gia theo phần» của định mức vốn lưu động trước ngày 1-10-1987 thì số dư nợ đó được chuyển vào một phân loại tiểu khoản riêng trong tài khoản cho vay để quản lý. Hàng tháng Ngân hàng cơ sở thu lãi theo mức lãi suất cho vay trong hạn mức tín dụng của biểu lãi suất hiện hành.

— Số dư nợ cao hơn mức nói trên (nếu có) thì được chuyển sang nợ cho vay trên định mức vốn lưu động.

e) *Xử lý tạm thời về định mức vốn lưu động thiếu.*

Sau khi đã xử lý vốn lưu động định mức cấp phát thiếu cho xí nghiệp theo Thông tư liên Bộ Tài chính — Ngân hàng số 57-LB/TC/NH và chuyển toàn bộ khoản chênh lệch giá vật tư hàng hóa tồn kho bổ sung cho vốn tự có theo Thông tư liên Bộ Tài chính — Ngân hàng số 46-LB/TC/NH mà vẫn còn thiếu so với vốn lưu động định mức lại theo mặt bằng giá mới thì xử lý như sau :

— Bổ sung từ nguồn quỹ phát triển sản xuất 1987 — 1988.

— Huy động các nguồn vốn khác của xí nghiệp.

— Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung.

Nếu vẫn còn thiếu mà xí nghiệp yêu cầu thì Ngân hàng cho xí nghiệp vay khó khăn tài chính tạm thời về « Vốn lưu động định mức cấp phát thiếu ». Hạn mức cho vay này không được vượt quá tỷ lệ % theo Thông tư liên Bộ Tài chính — Ngân hàng số 46-TC/NH ngày 6-12-1980 trừ số nợ đã vay trong hạn mức nói ở điểm 4, tiết d.

Thời hạn cho vay tối đa nói chung không quá đến tháng 6 năm 1988, số nợ này sẽ giả dần khi Nhà nước cấp đủ vốn lưu động định mức cho xí nghiệp.

Lãi suất cho vay áp dụng theo mức lãi suất vay trong hạn mức tín dụng của biểu lãi suất hiện hành.

5. Về cấp phát và tín dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản (điều 38):

a) *Cấp phát về đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn ngân sách.*

— Ngân hàng thực hiện cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các chủ đầu tư đối với công trình thuộc phạm vi cấp phát được ghi trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản tập trung của Nhà nước.

— Trong phạm vi vốn ngân sách các cấp chuyển sang, Ngân hàng cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo từng công trình, theo đúng tiến độ và theo khối lượng xây dựng hoàn thành, chi phí đầu tư thực hiện và giá dự toán do cấp có thẩm quyền duyệt.

b) *Về cấp phát đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn tự có:*

Đối với công trình đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn tự có của xí nghiệp, Ngân hàng cấp vốn thanh toán trong phạm vi số vốn tự có của đơn vị gửi tại Ngân hàng.

c) *Về cho vay đầu tư xây dựng cơ bản tập trung theo kế hoạch Nhà nước.*

— Ngân hàng cho các chủ đầu tư vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với các công trình thuộc phạm vi tín dụng được Nhà nước quy định, được ghi trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản tập trung của Nhà nước, nếu công trình bảo đảm đem lại hiệu quả và có khả năng trả nợ đúng hạn. Ngân hàng có quyền từ chối cho vay khi xét thấy công trình không có hiệu quả và không có khả năng hoàn trả đúng hạn. Ngân hàng cho vay trên cơ sở cân đối được nguồn vốn (do ngân sách chuyển sang, do thu hồi nợ, do huy động).

— Chủ công trình hoặc Giám đốc xí nghiệp (nếu là đầu tư mở rộng) phải làm đơn xin vay và lập hồ sơ theo thể lệ cho vay của Ngân hàng. Sau khi ký hợp đồng vay vốn, chủ công trình được chọn quyền và chủ động sử dụng số vốn vay đúng mục đích, nhằm hoàn thành và đưa vào khai thác đúng kế hoạch.

— Khi đưa công trình hoặc hạng mục công trình vào sử dụng, xí nghiệp cùng Ngân hàng xác định số trả nợ hàng tháng (hoặc quý) và kỳ hạn nợ cuối cùng.

— Theo thời hạn cho vay đã định, xí nghiệp chủ động trích số khấu hao cơ bản và các nguồn tổng hợp khác của xí nghiệp để trả nợ Ngân hàng đúng hạn hoặc trước hạn.

— Vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản, xí nghiệp chịu lãi theo biểu lãi suất hiện hành từ ngày nhận tiền vay đến khi trả hết nợ.

— Trong thời gian chưa trả hết nợ, nếu xí nghiệp muốn thanh lý, nhượng bán, cho thuê, cho mượn tài sản, thì xí nghiệp báo ngay bằng văn bản cho Ngân hàng cho vay biết và phải hoàn trả hết nợ sau khi thanh lý, nhượng bán. Số tiền thu được do cho thuê, hoặc bán tài sản xí nghiệp dùng trước hết để trả nợ Ngân hàng.

d) Về cho vay cải tiến kỹ thuật, mở rộng sản xuất (điều 39).

— Nhằm giúp các xí nghiệp đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, khai thác những tiềm năng sẵn có, sản xuất thêm sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, nâng cao lợi nhuận xí nghiệp, Ngân hàng cho các xí nghiệp

vay vốn cải tiến kỹ thuật, mở rộng sản xuất theo các quy định sau :

Là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, đã đi vào sản xuất ổn định.

Đề tài cải tiến kỹ thuật đã qua thực nghiệm, chắc chắn sản xuất có hiệu quả và bảo đảm thời hạn hoàn trả vốn vay.

Có vốn tự có tối thiểu theo quy định của thể lệ tín dụng để dùng vào mua sắm, xây dựng; xí nghiệp cần lập kế hoạch vay vốn gửi Ngân hàng ngay từ đầu quý kế hoạch để Ngân hàng chủ động xem xét và bố trí vốn.

Ngân hàng cơ sở cân đối được trong phạm vi nguồn vốn cho vay đã được kế hoạch hóa, hoặc huy động thêm do thu nợ vượt kế hoạch về loại cho vay này.

— Nhận được hồ sơ xin vay, Ngân hàng cơ sở phải xem xét tính toán ngay để quyết định có cho vay được hay không và báo cho xí nghiệp biết trong thời hạn tối đa không quá 7 ngày làm việc. Nếu chấp nhận cho vay thì Ngân hàng cùng xí nghiệp ký hợp đồng tín dụng vốn cố định để cùng thực hiện.

— Phương pháp phát tiền vay, thu nợ... giải quyết như đối với cho vay đầu tư xây dựng cơ bản.

— Xí nghiệp vay vốn cải tiến kỹ thuật, mở rộng sản xuất chịu lãi theo biểu lãi suất hiện hành.

6. Về tín dụng và thanh toán bằng ngoại tệ (điều 22, 40).

a) Các xí nghiệp có ngoại tệ phải mở tài khoản và gửi hết số ngoại tệ của mình vào Ngân hàng Ngoại thương, hoặc phòng

LawBot * Tel: +84-8-38436684 * www.ThuYenPhapLuat.com

ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước (nơi không có chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương).

— Tài khoản ngoại tệ bao gồm :

Tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ ;

Tài khoản quyền sử dụng ngoại tệ.

— Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn được Ngân hàng trả lãi theo biểu lãi suất do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố.

b) Các xí nghiệp có ngoại tệ gửi tại Ngân hàng được sử dụng để thanh toán qua Ngân hàng cho khách hàng của mình (trong nước và ngoài nước) theo chế độ Nhà nước quy định.

c) Xí nghiệp chưa có hoặc chưa đủ vốn ngoại tệ tự có nhưng nếu có nhu cầu ngoại tệ để nhập (có giấy phép nhập) vật tư, thiết bị lẻ dùng cho sản xuất kinh doanh thì được Ngân hàng Ngoại thương cho vay ngoại tệ hoặc bán ngoại tệ theo tỷ giá kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương. Ngân hàng ưu tiên cho vay hoặc bán ngoại tệ đối với các xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, kinh doanh dịch vụ thu ngoại tệ hoặc sản xuất hàng để đối lưu thu mua hàng xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu.

Các xí nghiệp được Ngân hàng cho vay ngoại tệ phải có các điều kiện sau đây :

— Xí nghiệp có đề án sử dụng vốn vay ngoại tệ và việc sử dụng ngoại tệ phải có hiệu quả để bảo đảm trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi bằng ngoại tệ cho Ngân hàng.

— Xí nghiệp không có nợ quá hạn về ngoại tệ (trừ trường hợp đặc biệt do Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam quyết định).

— Được cơ quan chủ quản bảo lãnh về việc trả nợ, nếu Ngân hàng yêu cầu.

— Lãi suất vay ngoại tệ do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam quy định, trên cơ sở lãi suất tín dụng quốc tế cộng với phụ phí Ngân hàng.

— Trường hợp xí nghiệp vay sử dụng vốn có hiệu quả và trả nợ trước hạn thì được Ngân hàng xét giảm mức phụ phí. Nếu xí nghiệp để nợ quá hạn thì phải chịu lãi phạt theo chế độ lãi suất cho vay ngoại tệ.

d) Những xí nghiệp vay vốn nước ngoài (trực tiếp hoặc thông qua ủy thác), nếu bên cho vay yêu cầu phải có Ngân hàng bảo lãnh thì Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam xem xét để bảo lãnh theo các điều kiện như cho vay ngoại tệ (điểm 6, tiết c) trên đây.

7. Về thanh toán không dùng tiền mặt (điều 42) :

— Các xí nghiệp, tổ chức kinh tế có tài khoản ở Ngân hàng, trong quan hệ mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ với nhau phải thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng, trừ những món nhỏ được trả bằng tiền mặt theo chế độ quản lý tiền mặt quy định.

— Xí nghiệp có quyền lựa chọn thể thức thanh toán thuận lợi cho cả bên mua và bên bán, phù hợp với phương thức giao nhận vật tư, hàng hóa như :

Các loại séc ;

Ủy nhiệm chi ;

Thẻ thức chấp nhận ;

V. V.

và yêu cầu Ngân hàng luân chuyển chứng từ thanh toán bằng phương tiện hoặc hình thức nhanh nhất.

— Việc đòi tiền và trả tiền kịp thời, chính xác theo giá trị đã giao nhận, ngay sau khi giao nhận vật tư, hàng hóa, là trách nhiệm của hai bên mua và bán. Lập chứng từ đòi tiền chậm thì bên bán chịu thiệt, ngược lại, trả tiền chậm thì bên mua phải tự bồi thường thiệt hại cho bên bán theo hợp đồng hai bên đã ký.

— Ngân hàng cơ sở có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn xí nghiệp lựa chọn hình thức thanh toán thích hợp; thực hiện chính xác, và ngay trong ngày những món thanh toán khi khách hàng đưa đến, không được phép trì hoãn khi chứng từ có đủ các yếu tố pháp lý và ghi rõ theo hợp đồng mua, bán đã ký (số, ngày). Nếu vì lý do bên trả tiền chưa có khả năng trả thì báo ngay cho bên bán biết và theo dõi phạt chậm trả theo quy định. Nếu Ngân hàng gây ra chậm trễ thì cũng bị phạt như quy định; Trước hết, Ngân hàng cơ sở phải trả ngay số tiền bù thiệt hại cho đơn vị được hưởng, sau đó truy cứu trách nhiệm các cá nhân gây ra chậm trễ.

— Những xí nghiệp làm tốt công tác thanh toán, được Ngân hàng xét cho hưởng chế độ ưu đãi trong cho vay. Ngược lại, những xí nghiệp luôn để nợ nần dây dưa, mất tín nhiệm trong thanh toán sẽ bị áp dụng hình thức thanh toán bắt buộc.

8. Về tổ chức thực hiện.

— Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-1988 thay thế Thông tư số 100-NH/TT ngày 28-7-1986 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước và những văn bản hướng dẫn triển khai Thông tư số 100-NH/TT trái với những quy định trong Thông tư này.

— Các Ngân hàng chuyên nghiệp, Vụ, Ban ở Ngân hàng Trung ương cần hướng dẫn cụ thể để các đơn vị ngân hàng cơ sở thực hiện đúng nội dung Thông tư này.

— Giám đốc Ngân hàng các cấp phải tổ chức triển khai trong nội bộ và phổ biến tới các cơ sở kinh tế có quan hệ đề phối hợp thực hiện.

Quá trình thực hiện có gì khó khăn, phải báo cáo ngay bằng văn bản đề Ngân hàng Nhà nước Trung ương xem xét và hướng dẫn giải quyết.

Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước
Việt Nam

LÛ MINH CHÂU

LAO ĐỘNG — THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ số 1-LĐTBXH/TT
ngày 9-1-1988 hướng dẫn thực
hiện Quyết định số 217-HĐBT
ngày 14-11-1987 của Hội đồng
Bộ trưởng về lao động — tiền
lương và xã hội.

Căn cứ phần VIII về lao động — tiền lương và xã hội của quy định về các chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh theo Quyết định số 217-HĐBT ngày 14-11-1987 của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Lao động — Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

09653565

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com